

Bản án số: 76/2024/HNGĐ-ST
Ngày 28 – 3 – 2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM D, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Huỳnh Ngọc Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Ngô Hồng Dưỡng

Ông Trần Công Đoàn

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm D, tỉnh Cà Mau.

Ngày 28 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm D xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2024 về việc “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị P, sinh năm 1980; địa chỉ cư trú: ấp Bào Hàm, xã Quách Ph, huyện Đàm D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn Kh; Sinh năm 1980; địa chỉ cư trú: Ấp Ngã O, xã Quách Ph, huyện Đàm D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của chị Lê Thị P trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện:*

Chị P và anh Kh chung sống năm 2001, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Gia đình hai bên có hoà giải hàn gắn nhưng không thành. Nay chị P xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh Kh.

Quá trình chung sống chị P và anh Kh có 02 con chung gồm: Trần Văn Kh1, sinh năm 2002 và Trần Văn Nh, sinh năm 2004. Con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và về nợ chị P xác định không có.

* *Bị đơn anh Trần Văn Kh:* Mặc dù đã nhận được thông báo thụ lý vụ án để biết được yêu cầu khởi kiện của chị P và các văn bản tố tụng Kh1 của Tòa án nhưng không có ý kiến và tham gia hòa giải, xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị P có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, anh Kh được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng quy định pháp luật.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu xin ly hôn của chị P thấy rằng: Chị P và anh Kh chung sống không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên chị P yêu cầu được ly hôn với anh Kh. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì *“Nam, nữ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng...”*. Đối chiếu với quy định trên, thì hôn nhân giữa chị P và anh Kh không được pháp luật thừa nhận, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị P và anh Kh là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

Về con chung của chị P và anh Kh đã trưởng thành, không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung và về nợ: Chị P xác định không có, anh Kh không có ý kiến gì về vấn đề này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị P phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị P với anh Trần Văn Kh.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị P phải chịu là 300.000 đồng. Chị P đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm theo biên

lai thu tiền số 0000792 ngày 28/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm D, chị P đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn Kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm D;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm D;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)
Huỳnh Ngọc Mai**